TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38A/2022/HS-ST
Ngày 16/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG - TỈNH HƯNG YÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Miện.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Minh Tiếp

Ông Nguyễn Quốc Doanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Đích - Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/TLST-HS ngày 14/7/2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HS ngày 02/8/2022 đối với:

*** Các Bị cáo**:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn K**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 2000 tại huyện V, tỉnh Hưng Yên; đăng ký HKTT: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Con ông: Chưa xác định và bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1975 (Đã chết); Vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/4/2019 bị Công an huyện V xử phạt hành chính về hành vi gây tiếng động lớn trong khu dân cư; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên.

Có mặt

2. Họ và tên: **Phạm Văn T**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 30/7/2004 tại huyện V, tỉnh Hưng Yên; đăng ký HKTT: Thôn H, xã T1, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Phạm Văn D, sinh

năm: 1973 và bà Lê Thị T2, sinh năm: 1971; Vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt

3. Họ và tên: **Cao Ngọc V**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 2001 tại huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; đăng ký HKTT: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông: Cao Ngọc T, sinh năm: 1977 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979; Vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt

*** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T**: Bà Đỗ Thị H - Trợ giúp viên pháp lý V tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên. (Có mặt)

*** Bị hại:** Ông Phạm Văn V - SN: 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

1. Ông Đỗ Văn V - SN: 1968 (Vắng mặt)

2. Ông Đỗ Thị N - SN: 1972 (Vắng mặt)

3. Anh Đỗ Đức M - SN: 1997 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên

4. Anh Đỗ Thành L - SN: 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn L, xã L, huyện V, tỉnh Hưng yên

5. Anh Hoàng Văn N1 - SN: 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 67, phường T3, quận H, TP Hà Nội

6. Chị Phan Thị M - SN: 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên

7. Anh Tô Xuân Đ - SN: 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên

*** Người làm chứng:**

1. Anh Đỗ Văn Th - SN: 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên

2. Chị Bùi Mai C - SN: 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn C, xã K, huyện G, TP Hà Nội

3. Anh Phạm Văn D - SN: 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã T1, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

4. Anh Nguyễn Văn K, SN: 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 163 đường N, phường B, thị xã H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Phạm Văn V, sinh năm 1979, trú tại thôn S, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên có để một số thanh sắt loại phi 10, dài từ 2m-3m và một số thanh sắt hộp kích thước (5x10)cm ở tại Nhà văn hóa của thôn N, xã L. Do thường xuyên qua lại khu vực Nhà văn hóa của thôn, nên Nguyễn Văn K, sinh năm 2000, cũng ở thôn N thấy vậy đã nảy sinh ý định trộm cắp số thanh sắt trên mang bán lấy tiền tiêu sài. Do đó vào các ngày 04/3/2022 và ngày 05/3/2022, K đã cùng bạn là Cao Ngọc V sinh năm 2001, Đỗ Đức M sinh năm 1997 đều ở thôn Như Lân, xã L và Phạm Văn T sinh ngày 30/7/2004 ở thôn Hoà Bình Thượng, xã T1 trộm cắp các thanh sắt nói trên rồi mang bán lấy tiền chia nhau, cụ thể như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 03/3/2022, K điều khiển xe mô tô biển số 89H8 - 8959 đến nhà V và M rồi rủ cả 2 đi chơi game và trộm cắp Tài sản thì V và M đồng ý. K chở V và M đến quán internet Hợp Chi ở thôn Cầu Chùa, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội ngồi chơi game. Sau đó, K đăng nhập vào T khoản facebook bằng máy tính của quán, rồi nhắn tin vào T khoản facebook của T qua phần mềm Messeger để rủ T đến quán internet Hợp Chi cùng chơi game và đi trộm cắp Tài sản thì T cũng đồng ý. Một lúc sau T điều khiển xe mô tô biển số 89E1- 779.30 đến quán và ngồi chơi game cùng K, V và M. Đến khoảng 00 giờ 15 phút ngày 04/3/2022, K nói: "đi thôi" thì V, T, M đều hiểu là K rủ đi trộm cắp Tài sản nên tất cả đều đứng dậy đi theo K. M điều khiển xe biển số 89H8-8959 chở K còn V điều khiển xe biển số 89E1-779.30 chở T cùng đến Nhà văn hóa thôn N. Đến nơi thì V, M dựng xe ở ngoài sân của Nhà văn hoá đứng cảnh giới; còn K, T đi vào bên trong, khi đi đến phòng thứ tư của dãy nhà đang xây dựng thì K, T nhìn thấy các thanh sắt phi 10 và thanh sắt hộp của anh Viển đặt ở dưới nền nhà. K và T mỗi người dùng hai tay ôm các thanh sắt phi 10 (không nhớ cụ thể bao nhiêu thanh) mang ra xe. V đi xe của T chở T, M điều khiển xe của K chở K; T và K ngồi sau vác số sắt vừa lấy được mang đến cất giấu tại rãnh thoát nước phía trước cửa hàng thu mua sắt vụn của ông Đỗ Văn Viết sinh năm 1968 ở thôn Như Lân. Sau đó tất cả quay lại quán Hợp Chi tiếp tục chơi game, đến khoảng 07h10' cùng ngày, K và V quay lại rãnh thoát nước lấy số sắt trên mang bán cho ông V1, cân nặng 77kg và ông V1 trả

K 850.000đ. K cầm tiền rồi cùng V đi về quán Internet Hợp Chi chia tiền. K, M, V và T mỗi người được 210.000đ đều chi tiêu cá nhân hết, còn 10.000đ thì mua thuốc lá tất cả cùng sử dụng chung.

Tiếp đến là khoảng 20h00' cùng ngày 04/3/2022, K đang chơi game ở quán Internet Hợp Chi thì T dùng điện thoại Iphone 5s màu đỏ nhắn tin qua phần mềm Messenger rủ K "tối đi tiếp không anh" (tức là tiếp tục đi trộm cắp Tài sản) thì K đồng ý và bảo T đến quán Internet đón K. Sau đó T đi xe mô tô biển số 89E1-779.30 đến quán Internet chở K đến rủ V quay lại quán Internet Hợp Chi chơi game sau đó đi trộm cắp tài sản. Đến khoảng 00h10' ngày 05/3/2022, V điều khiển xe mô tô biển số 89H8 - 8959 chở K còn T điều khiển xe mô tô biển số 89E1 - 779.30 cùng đến Nhà văn hóa của thôn N để trộm cắp tài sản. V đứng ngoài cảnh giới còn K và T vào ôm các thanh sắt phi 10 và sắt hộp ra ngoài xe. V điều khiển xe biển số 89H8- 8959 chở K ngồi sau ôm các thanh sắt, còn T một tay điều khiển xe mô tô biển số 89E1 - 779.30 một tay vác các thanh sắt vừa trộm cắp được mang đến cất giấu tại rãnh thoát nước nói trên. Sau đó cả ba cùng đi xe quay lại Nhà văn hoá nêu trên tiếp tục bê các thanh sắt mang đến cất giấu tại rãnh thoát nước trên. Cứ như vậy, K, V và T chở được 03 chuyến như trên thì hết số thanh sắt còn lại ở nhà văn hoá. Sau đó, K và V đi về quán Internet chơi game còn T thì đi về nhà. Đến khoảng 07h15' ngày 05/3/2022, K và V quay lại lấy các thanh sắt đã cất giấu rồi mang bán cho ông V1, cân được 205kg và ông V1 trả K 2.050.000đ. K cầm tiền rồi cùng V đi về quán Internet Hợp Chi. Đến khoảng 08h00' cùng ngày, khi T đến quán Internet thì K chia cho T và V mỗi người 680.000đ, riêng K tự nhận 690.000đ. Cả ba cùng tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 06/3/2022, ông V1 đã bán một số sắt vụn của cửa hàng nhà mình cùng toàn bộ các thanh sắt nói trên cho anh Hoàng Văn N1, sinh năm 1991, ở số 67 đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Sau khi sự việc xảy ra, anh V nghi ngờ K là người đã lấy trộm số sắt của mình nên ngày 06/3/2022 đã làm đơn trình báo Công an xã L. Công an xã L tiến hành xác M, K đã thừa nhận cùng V, T lấy trộm số thanh sắt trên ở Nhà văn hóa. Khi ông V1 biết số Tài sản ông mua của K là Tài sản do trộm cắp mà có, thì ông V1 đã thông báo cho anh N và thu hồi lại được 146 thanh sắt loại phi 10 cùng 08 thanh sắt hộp giao nộp cho Công an xã L. Một số thanh sắt khác thì anh N đã cho vào lò nung tái chế nên không thu hồi được. Cũng trong ngày 06/3/2022, T và K đã giao nộp 2 chiếc xe mô tô biển số 89H8- 8959 và 89E1-779.30 cùng chiếc điện thoại Iphone 5s màu đỏ của T cho Công an xã L.

Ngày 10/3/2022, Công an xã L chuyển hồ sơ vụ việc cùng toàn bộ vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang đã tiến hành điều tra xác M, xác định: 77 kg sắt phi 10 là các đối tượng trộm cắp ngày 04/3/2022; 205kg sắt phi 10 và sắt hộp là các đối tượng trộm cắp ngày 05/3/2022. Ngày 29/3/2022, Hội đồng định giá Tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Giang kết luận: 77kg sắt phi 10 được cắt thành các đoạn dài ngắn khác nhau (khoảng từ 02m đến 03m) có trị giá 1.155.000 đ; 205kg sắt phi 10 được cắt thành các đoạn dài ngắn khác nhau (khoảng từ 02m đến 03m) và các thanh sắt hộp có trị giá 3.075.000đ.

Ngày 20/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang đã trả lại cho anh V 146 thanh sắt loại phi 10 có tổng khối lượng là 202kg và 08 thanh sắt hộp có tổng khối lượng là 44kg. Anh V nhận lại Tài sản và không yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với số sắt còn thiếu không thu hồi được.

Ngày 20/6/2022, Công an huyện Văn Giang ra quyết định xử phạt hành chính đối với K, V, T, M về hành vi trộm cắp Tài sản ngày 04/3/2022.

Tại bản cáo trạng số: 33/CT-VKSVG ngày 12/7/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo Nguyễn Văn K, Phạm Văn T, Cao Ngọc V về tội "***Trộm cắp Tài sản***" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử (HĐXX) giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T khẳng định hành vi của bị cáo Phạm Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp Tài sản" và đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo T để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo và không truy thu của bị cáo T số tiền 680.000 đồng vì bị cáo hoàn cảnh khó khăn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang giữ nguyên quan điểm đã truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị HĐXX:

- Khoản 1 điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Khoản 4 điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn K.

- Khoản 1 điều 173; điểm h, i, s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1,2,5 Điều 65; Điều 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T.

- Khoản 1 điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Cao Ngọc V.

- Điểm a khoản 1 điều 46; Điểm a, b khoản 1, khoản 2 điều 47 của Bộ luật hình sự.

- Khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106; Khoản 2 điều 135; khoản 2 điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn K, Phạm Văn T, Cao Ngọc V phạm tội "***Trộm cắp Tài sản***".

Mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 10 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Xử phạt bị cáo Cao Ngọc V từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn K, Cao Ngọc V cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có thu nhập ổn định, không có Tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

- Trả lại anh Tô Xuân Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, biển số 89H8- 8959, số khung: RL9DCB6UMJBG00641, số máy: RL9FM1P39FMB-D00641, không có gương chiếu hậu (xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng).

- Trả lại chị Phan Thị M 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng-hồng biển số 89E1- 779.30, số khung: RLHJA3923MY183599, số máy: JA39E-2301767, không có gương chiếu hậu (xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng) đăng ký mang tên Phạm Văn T.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu đỏ-trắng-vàng, số IMEI: 358699052404214, bên trong lắp 01 thẻ sim điện thoại của nhà mạng Viettel, số thuê bao: 0357879816, trên sim có ghi: 8984048000330990393 4G Viettel (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng) của Phạm Văn T.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo K 690.000 đồng, bị cáo T 680.000 đồng, bị cáo V 680.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tam gia tố tụng khác không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật.

- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt họ. Xét thấy những người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 292, khoản 1 điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp khách quan với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với đơn trình báo và lời khai của người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường và nơi cất giấu Tài sản trộm cắp do các bị cáo chỉ dẫn, kết luận định giá Tài sản và các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập theo qui định của pháp luật. Do đó HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 0 giờ 10 phút ngày 05/3/2022, tại Nhà văn hoá thôn N, xã L, huyện Văn Giang. Nguyễn Văn K, Phạm Văn T và Cao Ngọc V đã cùng nhau trộm cắp Tài sản là các thanh sắt có tổng khối lượng là 205kg của anh Phạm Văn V, sinh năm 1979 ở thôn S, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên trị giá 3.075.000đ mang bán được số tiền 2.050.000đ rồi chia nhau tiêu sài cá nhân hết. Các Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp

Tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính lười lao động muốn có tiền tiêu xài, chơi game nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp Tài sản" quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo về tội "***Trộm cắp Tài sản***" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, vì thiếu tiền tiêu sài nên các bị cáo nảy sinh ý định và rủ nhau trộm cắp Tài sản, không có sự chuẩn bị, phân công chặt chẽ nhiệm vụ giữa các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo K là người khởi sướng, rủ T, V và Đỗ Đức M trộm cắp Tài sản ngày 04/3/2022 nhưng T là người khởi sướng, rủ K, V thực hiện hành vi trộm cắp Tài sản vào ngày 05/3/2022. Trong hành vi phạm tội này, T, K giữ vai trò ngang nhau, mặc dù T khởi sướng nhưng K là người cung cấp thông tin và địa điểm có Tài sản trộm cắp từ trước, hai bị cáo đều tham gia tích cực trong khi trộm cắp Tài sản và K là người mang Tài sản trộm cắp được đi bán, đứng ra chia tiền và tự nhận số tiền nhiều hơn các bị cáo khác. Bị cáo V có vị trí, vai trò thứ 2 trong vụ án.

[4]. Về tính chất vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu Tài sản hợp pháp của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, gây hoang mang lo lắng đối với những người có Tài sản trong việc trông coi cất giữ Tài sản của mình. Các Bị cáo còn trẻ nhưng không chịu lao động để có thu nhập phục vụ nhu cầu của bản thân mà lại muốn chiếm đoạt Tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu sài, thể hiện lối sống buông thả, coi thường pháp luật nên cần phải xử lý các bị cáo bằng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án để cải tạo, giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có trị giá 3.075.000đ nên thuộc trường hợp " phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn"; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo V có ông nội là Cao Ngọc S được Nhà nước tặng 01 Huân chương kháng chiến hạng nhì ngày 18/10/1999 và 01 Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất ngày 02/3/1979; Gia đình bị cáo K có đơn xin

giảm nhẹ hình phạt và được UBND xã L xác nhận nên bị cáo V, K được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo Phạm Văn T và Cao Ngọc V có nhân thân tốt, chưa có Tiền án, Tiền sự. Bị cáo Nguyễn Văn K đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 38 ngày 27/4/2019 của về hành vi hồi 23 giờ 40 phút ngày 03/3/2019 cùng các đối tượng gây tiếng động lớn tại khu dân cư, mức phạt 200.000 đồng. K chưa nộp khoản tiền phạt này. Tại Biên bản về việc vi phạm hành chính không có chữ ký của K, 02 Biên bản giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho K đều thể hiện không giao được do K không có nhà. Sau khi ra Quyết định xử phạt, cơ quan có thẩm quyền cũng không tiến hành cưỡng chế thi hành án đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành nên không có căn cứ cho rằng người vi phạm cố tình trốn tránh, trì hoãn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Căn cứ điều 74 của Luật xử lý vi phạm hành chính thì thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp này đã hết thời hiệu kể từ ngày 28/4/2020. Do đó, thời điểm bị cáo K phạm tội lần này được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Ngoài lần vi phạm và bị xử phạt này, K không có tiền án, tiền sự khác.

[6]. Về hình phạt: Từ những phân tích nêu trên và xét thấy các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo T phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng quy định của Bộ luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các Bị cáo đều không có Tài sản riêng, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, bị cáo T phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Anh V đã nhận lại Tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường đối với số sắt còn thiếu không thu hồi được. Ông Đỗ Văn V, bà Đỗ Thị N không yêu cầu gì về số tiền đã bỏ ra để mua các thanh sắt các bị cáo trộm cắp của anh V nên HĐXX không xem xét giải quyết trách nhiệm dân sự.

[9]. Về xử lý vật chứng:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, biển số 89H8- 8959, số khung: RL9DCB6UMJBG00641, số máy: RL9FM1P39FMB-D00641, không có gương chiếu hậu (xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng) được xác định là của anh Tô Xuân Đ sinh năm 1992, ở thôn Đ, xã N, huyện V đã cho K mượn để làm phương tiện đi lại. Xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Anh Đ không biết K dùng xe để trộm cắp Tài sản nên cần trả lại anh Đ chiếc xe này.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng-hồng biển số 89E1-779.30, số khung: RLHJA3923MY183599, số máy: JA39E-2301767, không có gương chiếu hậu (xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng) đăng ký mang tên Phạm Văn T là của chị Phan Thị M sinh năm 1979, ở thôn N, xã L, huyện V (vì gia đình T không có nhu cầu sử dụng, nên bố của T đã bán chiếc xe trên cho chị M từ năm 2021 nhưng chưa làm thủ tục sang tên). Ngày 03/3/2022, Chị M cho T mượn xe để làm phương tiện đi lại. Xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Chị M không biết T sử dụng xe vào việc phạm tội nên cần trả lại chị M chiếc xe này.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu đỏ-trắng-vàng, số IMEI: 358699052404214, bên trong lắp 01 thẻ sim điện thoại của nhà mạng Viettel, số thuê bao: 0357879816, trên sim có ghi: 8984048000330990393 4G Viettel (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng) là của T, là phương tiện T dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[10]. Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền 2.050.000đ các bị cáo K, T, V có được do bán số sắt trộm cắp của anh V, mặc dù ông V1, bà N không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả nhưng đây là tiền các bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của các bị cáo theo số tiền các bị cáo đã được chia sung quỹ nhà nước.

- Anh N1 không yêu cầu gì đối với số tiền mua các thanh sắt của ông V1, bà N mà anh đã trả lại ông V1 nên không đặt ra giải quyết vấn đề bồi hoàn giữa ông V1, bà N và anh N1 trong vụ án này.

[11]. Về án phí: Các bị cáo đều không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

[12]. Các vấn đề khác:

- Ông Đỗ Văn Viết, bà Đỗ Thị Nội mua các thanh sắt của các bị cáo và bán lại cho anh Hoàng Văn N1 nhưng ông V1 và anh N1 đều không biết tài sản là do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý đối với ông V1, bà N, anh N1.

- Anh Tô Xuân Đ và chị Phan Thị M đều không biết K, T dùng xe của mình đẻ trộm cắp tài sản nên không có căn cứ để xử lý đối với anh Đ và chị M.

- Ngày 20/6/2022, Công an huyện Văn Giang đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với K, V, T, M về hành vi trộm cắp Tài sản ngày 04/3/2022 là phù hợp với quy định của pháp luật là phù hợp, HĐXX không xem xét hành vi này của các bị cáo và anh M cũng như số tiền các bị cáo và anh M có được do bán tài sản trộm cắp ngày 04/3/2022 của ông V1 mà có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Khoản 4 điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn K.

- Khoản 1 điều 173; điểm h, i, s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1,2,5 Điều 65; Điều 91, 98, khoản 1 điều 101 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T.

- Khoản 1 điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Cao Ngọc V.

- Điểm a khoản 1 điều 46; Điểm a, b khoản 1, khoản 2 điều 47 của Bộ luật hình sự.

- Khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106; Khoản 2 điều 135; khoản 2 điều 136; điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn K, Phạm Văn T, Cao Ngọc V phạm tội "***Trộm cắp Tài sản***".

3. Mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn K nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Cao Ngọc V 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn K, Cao Ngọc V cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện V, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

5. Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.

6. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại anh Tô Xuân Đ, sinh năm 1992, ở thôn Đ, xã N, huyện V 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, biển số 89H8- 8959, số khung: RL9DCB6UMJBG00641, số máy: RL9FM1P39FMB-D00641, không có gương chiếu hậu (xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng).

- Trả lại chị Phan Thị M, sinh năm 1979, ở thôn N, xã L, huyện V 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng-hồng biển số 89E1- 779.30, số khung: RLHJA3923MY183599, số máy: JA39E-2301767, không có gương chiếu hậu (xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng) đăng ký mang tên Phạm Văn T.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu đỏ-trắng-vàng, số IMEI: 358699052404214, bên trong lắp 01 thẻ sim điện thoại của nhà mạng Viettel, số thuê bao: 0357879816, trên sim có ghi: 8984048000330990393 4G Viettel (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng) của Phạm Văn T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/7/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang)

7. Về biện pháp tư pháp: Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 2.050.000đ của các bị cáo Nguyễn Văn K, Phạm Văn T, Cao Ngọc V, cụ thể: Truy thu của bị cáo K 690.000 đồng, bị cáo T 680.000 đồng, bị cáo V 680.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn K, Phạm Văn T, Cao Ngọc V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh Hưng Yên.*
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang.*
- *Công an huyện Văn Giang.*
- *Chi cục T.H.A.DS huyện Văn Giang.*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Miện